

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2020/HS-ST
Ngày 01-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2020/HSST ngày 02 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/HSST-QĐ ngày 12/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HS ngày 26/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HS ngày 26/3/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Ô 4 lô 14, khu dân cư N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và con bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1954; có vợ tên Trần Ngọc H, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến ngày 02/02/2019 và từ ngày 05/9/2019 đến nay; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1993; thường trú: 33/11 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Phạm Tứ C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ nên anh Phạm Hồng S đã gặp Nguyễn Hữu T hỏi vay tiền. Từ ngày 02/08/2018 đến ngày 14/10/2018, Nguyễn Hữu T đã cho anh Phạm Hồng S vay tổng số tiền 420.000.000 đồng, mức lãi suất 30%/tháng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào đầu tháng 08/2018, anh Phạm Hồng S gặp Nguyễn Hữu T và nhờ vay dùm 150.000.000 đồng. Ngày 02/08/2018, Nguyễn Hữu T đến đoạn đường D, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gặp K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) vay 150.000.000 đồng, lãi suất 25%/ tháng và cho anh Phạm Hồng S vay với lãi suất 30%/1 tháng (là 360%/năm). Ngày 02/09/2018, anh Phạm Hồng S đóng lãi cho Tân 45.000.000 đồng. Theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự (không vượt quá 20%/năm, tính theo tháng là 1, 66%/tháng) thì Nguyễn Hữu T cho vay vượt quá 18 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Như vậy, lãi theo quy định của pháp luật cho phép là $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 2.490.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi vượt quá mức quy định cho phép mà Nguyễn Hữu T đã nhận của anh Phạm Hồng S là $45.000.000 \text{ đồng} - 2.490.000 \text{ đồng} = 42.510.000 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai: Vào ngày 01/09/2018, anh Phạm Hồng S tiếp tục hỏi Nguyễn Hữu T vay thêm 150.000.000 đồng nên Nguyễn Hữu T vay của K 150.000.000 đồng với lãi suất 25%/tháng. Sau đó, Nguyễn Hữu T cho anh Phạm Hồng S vay với lãi suất 30%/ tháng (là 360%/năm). Ngày 02/10/2018, anh Phạm Hồng S đóng lãi cho Nguyễn Hữu T 90.000.000 đồng. Như vậy, lãi suất theo quy định của pháp luật cho phép là $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 4.980.000 \text{ đồng}$. Lãi vượt quá mức quy định là $90.000.000 \text{ đồng} - 4.980.000 \text{ đồng} = 85.020.000 \text{ đồng}$.

Lần thứ ba: Ngày 14/10/2018, anh Phạm Hồng S hỏi Nguyễn Hữu T vay thêm 120.000.000 đồng nên Nguyễn Hữu T đến vay của K 120.000.000 đồng với lãi suất 25% /1 tháng. Sau đó, Nguyễn Hữu T cho anh Phạm Hồng S vay lại với lãi suất 30%/1tháng. Ngày 15/11/2018, anh Phạm Hồng S đến nhà Nguyễn Hữu T đóng lãi của số tiền vay 420.000.000đ là 126.000.000 đồng. Như vậy, lãi suất vượt quá mức quy định cho phép mà Nguyễn Hữu T đã nhận của anh Phạm Hồng S là $126.000.000 \text{ đồng} - 6.972.000 \text{ đồng} = 119.028.000 \text{ đồng}$.

Tháng 12/2018, anh Phạm Hồng S tiếp tục trả lãi cho Tân 32.000.000 đồng. Ngày 05/01/2019, anh Phạm Hồng S đã trả 420.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Hữu T. Như vậy, tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép từ ngày 15/11/2018 đến tháng 12/2018 đối với số tiền 420.000.000 đồng cụ thể như sau: $420.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 6.972.000 \text{ đồng}$. Lãi vượt quá mức quy định cho phép mà Tân đã nhận của anh Phạm Hồng S là $32.000.000 \text{ đồng} - 6.972.000 \text{ đồng} = 25.028.000 \text{ đồng}$.

Ngày 16/01/2019, Nguyễn Hữu T đến nhà anh Phạm Hồng S yêu cầu anh Phạm Hồng S phải trả thêm 132.000.000 đồng tiền lãi còn lại thì gia đình anh Phạm Hồng S báo công an phường Bình Thắng. Nguyễn Hữu T đầu thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Vật chứng: 01 giấy nhận tiền ghi ngày 30/12/2018; 01 giấy ghi nợ tiền, 01 giấy đề ngày 20/12/2018 ghi tổng số tiền phải trả có chữ ký của Nguyễn Hữu T và

anh Phạm Hồng S; 01 giấy thỏa thuận vay tiền 584.000.000 đồng, 01 cuốn vở ghi chép.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu T khai gặp K vay tiền với lãi suất 25%/01 tháng, sau đó cho anh Phạm Hồng S vay lại với lãi suất 30%/1 tháng, Nguyễn Hữu T hưởng tiền chênh lệch 5%/01 tháng. Căn cứ vào giấy vay nợ của Nguyễn Hữu T với anh Phạm Hồng S, lời khai của anh Phạm Hồng S, lời khai của ông Phạm Tứ Cường, biên bản xác minh đối tượng K của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An xác định: Lời khai của Nguyễn Hữu T là không có căn cứ và không có đối tượng K nào cho Nguyễn Hữu T vay số tiền 420.000.000 đồng. Do đó, Nguyễn Hữu T phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền 420.000.000 đồng cho anh Phạm Hồng S vay với lãi suất 30%/ tháng.

Cáo trạng số 39/CT-VKS-DA ngày 31/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hữu T từ 07 tháng 15 ngày tháng đến 09 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy nhận tiền ghi ngày 30/12/2018; 01 giấy ghi nợ tiền, 01 giấy đề ngày 20/12/2018 ghi tổng số tiền phải trả có chữ ký của T và Sơn; 01 giấy thỏa thuận vay tiền 584.000.000 đồng là vật chứng nên lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải trả lại cho anh Phạm Hồng S số tiền thu lợi bất chính 271.586.000 đồng.

Buộc Nguyễn Hữu T giao nộp 21.414.000 đồng tiền lãi trong mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 420.000.000 đồng Nguyễn Hữu T dùng làm phương tiện phạm tội cần buộc Nguyễn Hữu T giao nộp đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 cuốn vở ghi chép của Nguyễn Hữu T, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Nguyễn Hữu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến gì, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 290, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Từ ngày 02/08/2018 đến ngày 14/10/2018, Nguyễn Hữu T cho anh Phạm Hồng S vay 420.000.000 đồng, mức lãi suất 30%/1 tháng, tương ứng 360%/1 năm, trong khi mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm. Anh Phạm Hồng S đã trả cho Nguyễn Hữu T 293.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, Nguyễn Hữu T cho anh Phạm Hồng S vay mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, để hưởng lợi 271.586.000 đồng. Hành vi trên của Nguyễn Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 39/CT – VKS-DA ngày 31/12/2019 của Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng nhất là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao, việc làm của bị cáo còn gây ảnh hưởng về chính trị, kinh tế, nhất là trong tình hình hiện nay hành vi cho vay lãi nặng diễn ra nhiều, có diễn biến phức tạp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về nhân thân: Nguyễn Hữu T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động trong gia đình, đang nuôi 02 con nhỏ.

[8] Các biện pháp tư pháp: Xét số tiền 271.586.000 đồng, anh Phạm Hồng S trả lãi cho Nguyễn Hữu T vượt mức lãi suất Nhà nước quy định, cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Phạm Hồng S.

[9] Xét số tiền 21.414.000 đồng, là tiền lãi bị cáo cho anh Phạm Hồng S vay theo mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, cần buộc bị cáo nộp sung Ngân sách Nhà nước.

[10] Xét số tiền 420.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, cần buộc bị cáo nộp để sung ngân sách Nhà nước.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm đủ sức răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[12] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, biện pháp tư pháp, mức hình phạt đối với Nguyễn Hữu T là phù hợp.

[13] Đối với người tên K cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An đã tiến hành xác minh không có người tên K cho Nguyễn Hữu T vay tiền nên không có cơ sở xử lý.

[14] Án phí sơ thẩm: Nguyễn Hữu T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng vào khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày tù; được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến ngày 02/02/2019 và từ ngày 05/9/2019 đến ngày 01/4/2020 là 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T trả cho anh Phạm Hồng S 271.586.000 (hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Buộc bị cáo phải nộp 441.414.000 (bốn trăm bốn mươi một triệu bốn trăm mười bốn nghìn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 13.579.300 (mười ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền